

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Đường liên xã Cam Hiếu - thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường liên xã Cam Hiếu - Thị trấn Cam Lộ; Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Cam Lộ tại Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 18/8/2020 và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Văn bản thẩm định số 2078/SGTVT - KHTC ngày 13/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Đường liên xã Cam Hiếu - thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Đường liên xã Cam Hiếu - thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, thuộc dự án: Đường liên xã Cam Hiếu - thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ Cấp III.

3. Địa điểm xây dựng: Huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

4. Nhà thầu khảo sát, thiết kế xây dựng: Công ty CP xây dựng Vinacon.

5. Chủ nhiệm thiết kế xây dựng: KS. Nguyễn Công Thuyên.

6. Quy mô và giải pháp thiết kế công trình:

6.1. Quy mô: Theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 14/01/2020, chỉ điều chỉnh, bổ sung một số nội dung như sau:

- Điều chỉnh tìm tuyến đoạn từ Km0+083÷Km1+339 về phía Bắc cách tìm

tuyến cũ vị trí xa nhất khoảng 46,0m để tránh khu vực mộ vô danh của các dòng tộc thôn Bích Giang, xã Cam Hiếu;

- Đoạn tuyến điều chỉnh: Giữ nguyên quy mô thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI đồng bằng; vận tốc thiết kế 30km/h; nền đường 6,5m; mặt đường 3,5m; lề gia cố 2x1,0m; lề đất 2x0,5m; Kết cấu áo đường: Mặt đường cấp cao A₁, Eyc ≥ 120MPa; Tải trọng thiết kế: Nền, mặt đường trục xe 100kN; công: H30-XB80; Tần suất thiết kế: Tuyến P = 10%; công P = 4%.

6.2. Giải pháp thiết kế:

a) *Bình đồ*: Bám theo địa hình thực tế; tìm tuyến đoạn từ Km0+083 ÷ Km1+339 lệch về phía Bắc cách tìm tuyến cũ vị trí xa nhất khoảng 46,0m.

b) *Cắt dọc*: Trên cơ sở khống chế cao độ điểm đầu, điểm cuối của đoạn tuyến điều chỉnh, các vị trí đường giao, công trình trên tuyến, chiều dày kết cấu áo đường và phù với với tiêu chuẩn thiết kế của tuyến đường.

c) *Chiều rộng mặt cắt ngang*: Đã nêu ở Mục 3.2; Dốc ngang mặt đường 2,0%, lề đường, vỉa hè 4% (dốc ra vai đường); Độ dốc mái taluy nền đất đắp 1/1,5, nền đất đào 1/1, nền đào đá cấp IV 1/0,75.

d) *Nền đường*:

- Chủ yếu đắp đất cấp 3 đầm chặt K≥0,95; đối với nền đường đào lớp đất sét đáy áo đường dày 30cm đầm chặt đạt K≥0,98; đối với nền đường đắp lớp đất sét đáy áo đường dày 50cm đầm chặt đạt K≥0,98; đối với nền đường đất cấp IV và đá cấp IV không thiết kế lớp đất đắp đầm chặt K≥0,98.

đ) *Mặt đường*: Kết cấu mặt đường cấp cao A₁, Eyc ≥ 120MPa, gồm 03 loại: Loại 1, Loại 2, Loại 3 giữ nguyên như thiết kế đã duyệt.

e) *Hệ thống thoát nước*:

- Thoát nước dọc:

+ Rãnh thoát nước dọc: Rãnh hình thang kích thước 0,4x0,4x1,2(m) với nền đất; với nền đá, đào rãnh hình thang kích thước 0,4x0,4x1(m); gia cố rãnh bằng tấm lát bê tông M150 đá 1x2, kích thước 64x50x6cm cho những đoạn rãnh đất có độ dốc rãnh ≥6%, tổng chiều dài rãnh gia cố 563,82m.

+ Điều chỉnh vị trí 03 công bản thoát nước dọc khẩu độ 0,5m tại các nút giao: tại Km0+434,93 02 cái/bên trái và bên phải tuyến; tại Km0+ 482,87/bên trái tuyến.

- Công thoát nước ngang:

+ Đoạn tuyến điều chỉnh có tổng cộng 06 công thiết kế mới, gồm: 04 công đã duyệt điều chỉnh vị trí, chiều dài cho phù hợp với địa hình: 02 công tròn đường kính Φ0,8m tại Km0+242,30 và Km0+412,82; 01 công tròn đường kính Φ1,5m tại Km0+947,99; 01 công tròn đường kính 2Φ1,5m Km0+745,35; bổ sung 02 công: 01 công bản khẩu độ 0,75m tại Km0+853,98; 01 công tròn đường kính Φ0,8m tại Km1+117,79; Cầu tạo công như thiết kế đã duyệt;

+ Điều chỉnh gia cố mái taluy để phù hợp với cao độ thiết kế công hộp khẩu độ (3x2,5)m tại Km1+358,04; kết cấu gia cố mái taluy như thiết kế đã duyệt.;

f) *Nút giao, đường giao*: Giao các đường dân sinh tại Km0+434,93,

Km0+482,87 và Km1+046,24: Thiết kế nút giao cùng mức, bán kính vuốt nổi $R=6\div 20m$, độ dốc dọc vuốt nổi $I_{max} = 6\%$; kết cấu mặt đường vuốt nổi sử dụng kết cấu mặt đường Loại 2.

g) *Hệ thống an toàn giao thông*: Thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

h) *Giải phóng mặt bằng*: Tận dụng số lượng 71 cọc giải phóng mặt bằng cũ, di dời, định vị cắm theo hướng tuyến điều chỉnh; quy cách cắm, khoảng cách cắm giữa nguyên như thiết kế đã duyệt.

7. Tổng dự toán xây dựng công trình điều chỉnh: 70.243.195.000 đồng (Bảy mươi tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng), được cơ cấu lại như sau:

TT	Khoản mục chi phí	Tổng dự toán đã duyệt	Tổng dự toán điều chỉnh	Chênh lệch Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
1	Chi phí xây dựng:	53.653.812.000	54.106.914.000	+ 453.102.000
2	Chi phí QLDA	1.091.611.000	1.091.611.000	0
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.079.713.000	3.336.580.000	+ 256.867.000
4	Chi phí khác:	7.772.466.000	6.631.496.000	-1.140.970.000
5	Chi phí dự phòng:	4.645.593.000	5.076.594.000	+ 431.001.000
Cộng		70.243.195.000	70.243.195.000	0

8. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cam Lộ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ns*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT, CNr. *ns*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Tiến

